

医療機関を受診するとき

日ごろから相談できるかかりつけの医者を家の近所に見つけておきましょう。宗教上の理由で日常生活や治療について制限がある場合やアレルギー体質の場合は、診療の前に受付や看護師に伝えましょう。

受診に必要な物

- ・国民健康保険証又は健康保険証（なければ全額自己負担になります。）
- ・身分証明書（国民健康保険証等のない場合）
- ・現金（ほとんどの医療機関では、支払いは日本円の現金に限られます。）
- ・住所、電話番号、症状などのメモ
- ・すでに服用している薬があればその実物

診察時間

外来患者の診療時間は、病院によって異なりますが、午後や土曜日は休みとすることがあります。日曜日や休日はほとんどが休診です。

（時間外診療や緊急時の受診については、p5を参照。）

時間や診療科目、予約できるかなど、病院に行く前にあらかじめ電話で確認しておくといでしょう。

Khám y tế

Bạn hãy tìm gần nhà mình một bác sĩ mà bạn có thể nhờ tư vấn. Nếu bạn bị dị ứng hoặc có những hạn chế về khám và điều trị cũng như sinh hoạt hàng ngày vì lý do tôn giáo thì hãy nói trước với nhân viên tiếp tân hoặc y tá trước khi khám.

Các thứ cần mang theo

- Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân hoặc thẻ bảo hiểm (không có nó bạn phải trả toàn bộ chi phí)
- Chứng minh thư (nếu bạn không có Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân)
- Tiền mặt (hầu hết các phòng khám sức khỏe chỉ chấp nhận trả tiền mặt là tiền Yên)
- Viết địa chỉ của bạn, số điện thoại và những triệu chứng bệnh lên giấy.
- Trường hợp đang sử dụng thuốc, hãy cho xem loại thuốc bạn đang dùng.

Thời gian khám bệnh

Thời gian khám bệnh cho bệnh nhân ngoại trú là khác nhau giữa các bệnh viện, nhiều nơi đóng cửa vào các buổi chiều hoặc các ngày thứ Bảy. Hầu hết là đóng cửa vào Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ.

(Xem trang 5 về các thông tin liên quan đến giờ khám bệnh và cấp cứu).

Nên điện thoại đến phòng khám trước khi đi để xác nhận thời gian, các khoa khám bệnh, và có thể đặt hẹn được không.

初診のときの流れ

【受付】受診申込書に記入して、国民健康保険証等を提出し、症状に適した受診科を案内してもらいます。

【受診】必要に応じて検査や処置が行われます。わからないことや不安なことは些細なことでも医師や看護師に確認しましょう。

【会計】診察が終わったら、会計を済ませます。領収書を受け取り、保管しておきましょう。国民健康保険等に入っていない場合は、全額自己負担になり、高額になります。また、次回からの診察に使う診察券（カード）を受け取りましょう。

【薬局】薬局が病院の外にある場合は、処方箋を提出し薬をもらいます。薬代は薬局で別に現金で支払います。

注意事項

- 日本語に不安がある場合は、誰か通訳できる人と同行しましょう。
- 医療ソーシャルワーカー(*)がいる場合には、費用や日本の制度のことについて相談できます。

Quy trình khám bệnh lần đầu

【Đăng kí】 Điền vào giấy đăng ký khám, đưa thẻ bảo hiểm y tế quốc dân, và nhận sự hướng dẫn đến đúng phòng khám phù hợp.

【Khám bệnh】 Bác sỹ sẽ kiểm tra và điều trị nếu cần thiết. Hỏi bác sỹ hoặc y tá nếu cảm thấy lo lắng hoặc không chắc chắn về bất cứ việc gì.

【Thanh toán tiền】 Thanh toán tiền sau khi khám bệnh. Giữ lại hóa đơn của bạn. Không có thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân, bạn sẽ phải trả toàn bộ, và rất đắt tiền. Ngoài ra, bạn sẽ nhận được một thẻ khám bệnh dùng cho lần khám tiếp theo.

【Hiệu thuốc】 Nếu hiệu thuốc ở bên ngoài phòng khám, bạn phải đưa đơn thuốc của bác sỹ và nhận thuốc. Tiền thuốc sẽ được tính riêng tại hiệu thuốc

Các vấn đề chú ý

- Nếu bạn cảm thấy lo lắng về tiếng Nhật của mình thì đi cùng người phiên dịch của bạn đến phòng khám.
- Nhân viên y tế xã hội (MSW)* có thể tư vấn về chi phí và chế độ phúc lợi y tế ở Nhật Bản.

(*) 医療ソーシャルワーカー (MSW) とは、
 病院、診療所等に勤務し、社会福祉の
 立場から、患者や家族の疾病に伴う
 経済的・心理的・社会的問題等の解決や
 調整を支援する人のことです。

国民健康保険等が効かないもの

次の場合は、国民健康保険等が使えません。

- ・ 正常な妊娠・出産
- ・ 経済上の理由による妊娠中絶
- ・ 健康診断、人間ドック
- ・ 予防接種
- ・ 美容整形
- ・ 歯列矯正
- ・ 通勤途中や仕事上のけがや事故 (労災保険の対象となります。)
- ・ 鍼、灸、マッサージ (医師が認めた場合は、保険診療の対象となることがあります。)
- ・ 保険外診療の検査・手術・治療や薬
- ・ 入院時の差額ベッド代など

【注意事項】

交通事故や暴力行為などによるけがで
 受診した場合は、「第三者行為による
 傷病届」を国民健康保険等担当窓口へ
 提出してください。

*MSW's là các nhân viên làm việc liên quan đến phúc lợi xã hội làm việc trong bệnh viện và phòng khám. Họ đưa ra những lời khuyên và cách giải quyết về tài chính, tâm lý và những vấn đề xã hội liên quan đến điều trị y tế của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân.

Điều trị không được chi trả bởi bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Điều trị sau đây là không được chi trả bởi bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- ・ Có thai và sinh một cách bình thường
- ・ Phá thai vì lý do kinh tế
- ・ Kiểm tra sức khỏe hoặc khám sức khỏe thông thường.
- ・ Tiêm phòng
- ・ Phẫu thuật thẩm mỹ
- ・ Chỉnh răng
- ・ Bị thương do tai nạn ở nơi làm việc hoặc trên đường đi làm (được chi trả bởi Bảo hiểm tai nạn lao động).
- ・ Châm cứu, ký ỹ (đốt da), mát xa (ngoại trừ khi được bác sĩ yêu cầu, trong trường hợp này có thể được chi trả)
- ・ Khám và điều trị, phẫu thuật, thuốc ngoài qui định của bảo hiểm
- ・ Khoản phí chênh lệch để trả cho giường /phòng bệnh .

【Điều khoản lưu ý】

Trường hợp khám bệnh do vết thương tai nạn giao thông hay hành vi bạo lực gây nên, thì cần nộp đơn thương tích bởi người thứ ba, đến trung tâm phụ trách bảo hiểm ý tế quốc gia .

にゅういん

入院するとき

にゅういん

入院しなければならないとき、一般的には、

いっぱんでき

にゅういん にちじ ひつよう もの にゅういん ほしやうしよ
入院日時・必要な持ち物・入院保証書

(*) 注意事項など事前に説明されます。

(*) 入院保証書には、入院費用の支払い

を保証する連帯保証人が必要です。

れんたいほしやうしよ かんじやほんにん
連帯保証人になれるのは、患者本人と

べつせたい しはら のうりよく せいじん
は別世帯の支払い能力のある成人に

限られます。

手続き

にゅういんもうしこみしよ きにゅう
・入院申込書に記入します。

ひつよう こくみんけんこうほけんしやうとう しんさつけん
・必要なもの(国民健康保険証等、診察券、
にゅういんほしやうしよ ほしやうきん ていしゆつ
入院保証書、保証金など)を提出しま
す。

にゅういんちゆう

入院中

ひつよう ばあい えいようし かんごし しょくじ
・必要の場合は、栄養士(看護師)に、食事
しゅうかん しゅうきやうてき はな
習慣や宗教的なことなどを話してお
きます。

しゅじゅつ じぜん い し せつめい
・手術のときは、事前に医師の説明があり、
い し かくにん しゅじゅつどういしよ
意思確認のため、手術同意書にサインを
もと
求められます。

たいいん

退院

にゅういん ひよう せいさん たいいん
・入院費用を精算して、退院します。

Nhập viện

Khi phải nhập viện, về cơ bản cần phải biết những vấn đề sau: ngày giờ nhập viện, vật dụng cần thiết để mang theo, giấy bảo lãnh nhập viện.

* Những vấn đề chú ý thường được hướng dẫn trước.

* Trong giấy bảo lãnh nhập viện, cần có người bảo lãnh để đảm bảo rằng viện phí sẽ được trả. Người này phải là người trưởng thành, có khả năng chi trả viện phí và không là thành viên của gia đình bệnh nhân.

Thủ tục

- Hoàn thành mẫu đơn nhập viện
- Nộp thẻ bảo hiểm của bạn, giấy khám bệnh, bảo lãnh nhập viện, tiền đặt cọc và những giấy tờ được yêu cầu khác.

Khi đang nhập viện

- Báo cho người cấp dưỡng (hoặc y tá) về thói quen ăn uống, các vấn đề có liên quan đến văn hóa hoặc tôn giáo.
- Nếu phải phẫu thuật, bác sỹ sẽ giải thích cho bạn trước. Sau đó, bạn sẽ ký vào giấy bảo đảm nếu bạn đồng ý phẫu thuật.

Xuất viện

- Trả tiền viện phí và xuất viện

日本の生活習慣

家の中

- 日本の家や旅館に入るときは玄関で靴を脱ぎます。畳の部屋ではスリッパを履きません。
- トイレでは、専用の柔らかい紙を使います。
- 入浴時は、浴槽に入る前に必ず体を洗います。浴槽の中でタオルや石鹸を使いません。また、浴槽の湯は一人ずつ取り替えたりしません。温泉や公衆浴場では特にこれらのルールを守ってください。

社会生活

- 挨拶は、握手ではなく、お辞儀をします。
- 契約を交わすときには署名だけでなく捺印が必要な場合があります。
- 親しい人にお祝いするときは、お金や品物を贈ります。お金を入れる専用の袋があります。
- 葬式に参列するときは、黒い服（喪服）を着ます。参列者は、専用の袋にお金を入れてお供えます。（受付で渡します）

Phong tục đời sống Nhật Bản

Trong nhà

- Khi đến nhà người Nhật hoặc khách sạn kiểu Nhật(ryokan), phải cởi giày ở sảnh(genkan). Trong phòng có trải tatami (chiếu) thì không được mang dép đi trong nhà.
- Chỉ sử dụng giấy vệ sinh mềm dùng cho toilet.
- Tắm trước khi bước vào bồn. Không sử dụng khăn tắm và xà phòng trong bồn tắm. Nước trong bồn tắm sẽ không thay sau khi mỗi người sử dụng. Đặc biệt chú ý những quy định này ở phòng tắm công cộng và ở bồn nước nóng Onsen

Đời sống xã hội

- Chào hỏi bằng cách cúi chào chứ không bắt tay nhau.
- Hộp đồng thường đòi hỏi sử dụng con dấu cá nhân (inkan) chứ không chỉ dùng chữ ký.
- Khi chúc mừng người thân, thường tặng tiền hoặc quà. Quà tặng tiền mặt được đặt vào những phong bì chuyên dụng.
- Khi tham gia trong một lễ tang, mọi người đều mặc đồ đen. Đối với những người đến viếng, tiền phúng viếng để trong một phong bì chuyên dụng (để ở bàn đăng ký).

日常の買い物

日常の買い物には、近所の小売店や専門店のほかに、スーパーマーケットやデパート、コンビニエンスストア(*)などを利用します。購入した商品には、8%の消費税が課せられます。一部の小売店を除いて、値切り交渉は通常行われません。また、サービスを受けたときにチップは不要です。

コンビニエンスストア (コンビニ)

それぞれグループや地域により異なりますが、市街地を中心に24時間営業の店が多く、次のように、商品の販売だけでなく、さまざまなサービスを取り扱っています。

- ・飲料・食料品の販売
- ・新聞・雑誌、生活雑貨品の販売
- ・公共料金やインターネットショッピング等の代金の決済
- ・コピー・FAX サービス
- ・宅配便 (又は郵便小包) の取次ぎ
- ・各種チケットサービス (コンサート・イベント・映画の鑑賞券、レジャー施設割引入場券等)
- ・粗大ゴミ処理券、切手、印紙の取り扱い
- ・写真の現像・焼き増しの注文取次ぎ
- ・現金自動預払機 (ATM) の利用

Mua sắm hàng ngày

Đồ dùng sinh hoạt hàng ngày được bán tại các cửa hàng nhỏ, cửa hàng chuyên bán thức ăn, siêu thị, cửa hàng bách hóa và cửa hàng tiện lợi trong khu vực. 8% tiền thuế được cộng vào trong giá của mỗi sản phẩm. Không trả giá khi mua hàng, ngoại trừ một số ít cửa hàng bán lẻ. Và khi được phục vụ không cần thiết phải đưa tiền tip (tiền boa).

Cửa hàng tiện lợi (konbini)

Có sự khác nhau giữa các vùng về chuỗi các cửa hàng tiện lợi, nhưng ở thành phố những cửa hàng này nói chung mở cửa 24 giờ, ngoài bán hàng còn có nhiều dịch vụ cho khách hàng:

- ・ Bán thức ăn và đồ uống
- ・ Bán báo và tạp chí
- ・ Thanh toán các hóa đơn phí công cộng và một vài hóa đơn khác (như phí mua hàng qua Internet,...)
- ・ Photocopy, gửi fax
- ・ Gửi hàng hóa, bưu kiện
- ・ Bán vé (hòa nhạc, các sự kiện, phim ảnh, vé giảm giá ở công viên giải trí,...)
- ・ Bán tem bưu điện, tem thuế, tem xử lý rác kích cỡ lớn
- ・ Dịch vụ rút tiền tự động (máy ATM)

自治会・町内会

日本では一般的に、各地域に「町内会」や「自治会」と呼ばれる組織があります。

町内会や自治会は、「回覧板」(バインダー)に役所や地域のお知らせをつけたものを各家庭に回したり、地域の祭りや防災訓練などを行います。活動費用は、「町内会費」「自治会費」という名目で各家庭から集金されます。

近所に長く住んでいる人や役員の人に話を聞いてみましょう。

Các nhóm, hội tự quản ở địa phương

Hầu hết ở Nhật Bản đều có các tổ chức được gọi là choonakai hoặc jichikai. Những nhóm này kết hợp thành cộng đồng/tổ chức, gửi các thông báo của cơ quan chính quyền địa phương bằng cách chuyển vòng tròn cho nhau (gọi là kairanban nghĩa là khi bạn đọc xong một thông báo nào đó thì chuyển đến cho người hàng xóm kề bên của bạn), tổ chức các lễ hội địa phương, luyện tập các kỹ năng phòng chống thiên tai, thảm họa và các công việc khác. Tiền dùng cho các hoạt động được lấy từ lệ phí đóng góp của các thành viên tham gia ở địa phương. Để biết thêm thông tin, vui lòng hỏi nhân viên chính quyền địa phương hoặc người nào đó đã sống từ lâu trong vùng bạn đang cư trú.

ごみの出し方

一般家庭から出るごみは、市町村が収集・処理します。地域やごみの種類によって、回収場所・曜日・時間が決められています。分別の種類や回収方法は市町村によって異なるので、詳しくは、市町村役場に問い合わせてください。

例：【岡山市のごみの分別と回収】

Vi dụ: Quy định về thu gom và phân loại rác thải của thành phố Okayama

(※)可燃ごみ、不燃ごみは有料指定袋に入れて出してください。

Rác có thể đốt cháy, rác không cháy được phải bỏ trong bao nilon được bán riêng để vứt

区分 Phân loại	回収 Thu rác	回収品目 các hạng mục thu rác
可燃（焼却） ごみ Rác có thể đốt cháy (※)	週2回 1 tuần 2 lần	生ゴミ・プラスチック類などの燃えるもの Thức ăn thừa, những chất bằng nhựa, nylon và những thứ khác đốt cháy được.
不燃ごみ Rác không đốt (※)	月1回 1 tháng 1 lần	ガラス・陶磁器・化粧品空きビン、かさ、鏡、 電球、ポットなど燃えないもの Cốc thủy tinh, đồ gốm, chai lọ của mỹ phẩm đã dùng hết, dù, gương, bóng đèn, bình giữ nhiệt...vv...những thứ không đốt cháy được.
資源化物 Rác tài nguyên	月2回 1 tháng 1 lần	リサイクルできるビン、空き缶、てんぷら油、 使用済み乾電池、古紙(新聞紙、チラシ、雑誌、 ダンボール、紙パックなど)、古布、ペットボトル Các loại có thể tái chế lại như vỏ lon kim loại, chai thủy tinh, dầu ăn.pín đã dùng hết .giấy đã sử dụng (báo, tờ quảng cáo, tạp chí, bìa cứng, hộp giấy..vv..), áo quần cũ, chai nhựa
粗大ごみ Rác to (ngoại kích cỡ)	戸別収集 (有料) Thu gom từng hộ(mất phí) 持込み (無料) đem tới(miễn phí)	家具、自転車など18ℓ缶より大きなもの(電話で 申し込む) Đồ đạc trong nhà, xe đạp... lớn hơn 18ℓ (Đăng kí bằng điện thoại)

Cách vứt/đổ rác

Các loại rác của hộ gia đình được thu gom và xử lý bởi chính quyền địa phương. Mỗi vùng có qui định riêng liên quan đến loại rác nào được thu nhặt, ngày nào và ở đâu. Tùy từng khu vực qui định thu rác và phân loại khác nhau. Vì vậy hãy hỏi chính quyền địa phương khu vực nơi bạn ở để biết thêm thông tin chi tiết.

かでんせいひん

家電製品のリサイクル

でんきせいひん うち
電気製品の内、エアコン、テレビ、冷蔵庫

(れいとうこ せんたくき ひんもく しちようそん
冷凍庫)、洗濯機の4品目は、市町村の粗

だい
大ゴミとしては回収されません。

かよう
不要になったときは、購入したときの

こうりてん か あら か か ひん こうにゆう
小売店か、新たに買い替え品を購入する

こうりてん りようきん しゅうしゅう
小売店にリサイクル料金と収集

ですうりよう しはら ひきと いらい
手数料を支払って、引取りを依頼してく

ださい。

こうりてん いらい しちようそん
小売店に依頼できないときは、市町村

やくば でんわ しょぶん いらい
役場に電話で処分を依頼してください。

ばあい ゆうびんきょく かでん けん
その場合、郵便局で家電リサイクル券を

こうにゆう こべつかいしゅう いらい
購入します。戸別回収を依頼するとき

べつ しゅうしゅうですうりよう しはら ひつよう
は別に収集手数料を支払う必要があります

ます。

りようきん せいひん
リサイクル料金はメーカーや製品によ

って異なります。収集手数料も小売店

しちようそん こと くわ
や市町村により異なりますので、詳しい

ことは、こうりてん しちようそん やくば たんとうか
ことは、小売店や市町村役場の担当課に

とあ
問い合わせてください。

tái sử dụng đồ điện gia đình

Bốn loại thiết bị điện sau đây sẽ không được chính quyền thu gom như rác có kích cỡ lớn gồm máy điều hòa nhiệt độ, ti vi, tủ lạnh (hoặc tủ đông) và máy giặt.

Khi vứt những thiết bị này, hãy liên lạc với nơi bạn đã mua hoặc trả tiền tái chế và thu hồi cho cửa hàng bạn mua đồ mới để nhờ họ lấy giúp.

Nếu bạn không thể thương lượng với cửa hàng để mang đi vứt những đồ đạc của bạn, hãy liên lạc với chính quyền địa phương để sắp xếp việc thu gom. Khi đó bạn phải mua phiếu tái chế đồ điện (*Kaden Resaikuru Ken*) ở bưu điện. Khi đề nghị thu gom tại từng hộ cần trả thêm lệ phí thu gom khác.

Phí tái chế sẽ khác nhau tùy theo theo mẫu mã và hãng sản xuất. Lệ phí thu gom sẽ khác nhau giữa các cửa hàng và các địa phương. Để biết thêm thông tin, hãy liên lạc với phòng chuyên trách chính quyền địa phương và cửa hàng nơi bạn ở.

ペットを飼うとき

多くの集合住宅や賃貸住宅ではペットの飼育を禁止しています。また、散歩中の犬・猫の糞便の始末は飼い主の責任です。袋などを用意して持ち帰って始末しましょう。なお、ペットの海外への持ち出しや持ち込みには制限があり、検疫が必要です。

犬を飼うとき

犬を飼うときは、狂犬病の予防注射を受けてから市町村役場の担当窓口や保健所などに登録の申請をしなければなりません。登録申請を行えば、「鑑札」が交付されるので、それを必ず飼犬の首輪につけましょう。また、生後91日以上

の犬は、狂犬病予防注射を必ず毎年1回受けなければなりません。

ペットが死んだとき

犬や猫が死んだ場合は、市町村によっては斎場で火葬してもらう（有料）ことができます。詳しくは、市町村役場の担当窓口に照会してください。

Nuôi giữ con vật cưng

Ở hầu hết khu chung cư và nhà thuê, việc nuôi thú cưng nuôi trong nhà bị cấm. Chủ của vật nuôi có trách nhiệm thu dọn phân của chó, mèo khi dắt chúng đi dạo. Mang theo túi nylon để dọn và mang về nhà vứt. Việc đem vật nuôi đến và đi khỏi nước Nhật bị hạn chế và phải thông qua kiểm dịch.

Nuôi chó

Chó nuôi sau khi được tiêm phòng phải đăng ký ở các phòng liên quan của chính quyền địa phương, hoặc ở Trung tâm sức khỏe. Nếu đăng ký sẽ được cấp giấy phép (thẻ đeo, *kansatsu*), hãy đeo thẻ này ở cổ con chó bạn nuôi. Chó trên 91 ngày tuổi phải được tiêm vaccin phòng bệnh dại mỗi năm 1 lần.

Khi vật cưng chết

Khi chó hoặc mèo bị chết, tùy theo địa phương mà bạn có thể nhờ hỏa thiêu (mất phí) tại một vài nhà tang lễ. Liên hệ với chính quyền địa phương để biết thêm chi tiết.

口座の開設

ゆうちょ銀行や銀行、信用金庫、信用組合、農業協同組合等の金融機関では、
預貯金の口座を開設することができます。
口座の開設には、身分を証明するものと印鑑が必要です。

(外国人の場合、パスポートがあれば印鑑の代わりに署名でよい銀行もあるのですが事前に確かめてください。)

ゆうちょ銀行の営業時間は、平日の午前9時から午後4時(岡山中央郵便局は午後6時)までです。その他の金融機関の窓口の営業時間は通常午後3時までです。

口座の種類

口座の種類は大きく分けると次の2種類
(()内は、ゆうちょ銀行での名称) です。

・普通預金 (通常貯金)

利子は低率ですが、出し入れが自由で
公共料金などの自動口座振替ができ、
キャッシュカードも使えます。

・定期預金 (定期貯金)

一定額以上の金額を一定期間預け入れ、
満期にならないと払い戻しができません。
利子は普通預金 (通常貯金) よりも高率です。

Mở tài khoản

Các tài khoản tiết kiệm có thể được mở ở những cơ quan tài chính (như ngân hàng, liên hiệp các hợp tác xã, hiệp hội tín dụng, hợp tác xã nông nghiệp và ngân hàng bưu điện). Khi mở tài khoản cần mang theo giấy tờ tùy thân, con dấu.

Trường hợp người nước ngoài nếu có passport thì hầu hết các ngân hàng đều chấp nhận chữ ký để thay thế cho con dấu. Hãy trình bày rõ điều này với ngân hàng của bạn. Nhân hàng bưu điện mở cửa từ 09:00 giờ đến 16:00 giờ các ngày trong tuần (hoặc đến 18:00 giờ ở Bưu điện trung tâm Okayama.) Hầu hết các cơ quan tài chính khác chỉ mở cửa đến 15:00 giờ.

Các loại tài khoản

Có hai loại tài khoản cơ bản (tên trong ngoặc đơn là tên của ngân hàng Bưu điện yucho)

• Tiết kiệm thông thường = futsuyokin (tsujouchokin)

Tiền lãi là thấp nhưng tiền có thể rút hoặc gửi tự do, trả phí công cộng... ở các máy tự động. Có thể dùng thẻ ATM

• Gửi tiền định kỳ = teiki yokin (teikichokin)

Một khoản tiền nhất định được gửi vào một khoảng thời gian nhất định và không thể rút ra cho đến cuối kỳ. Tiền lãi cao hơn so với tài khoản tiết kiệm thông thường.

あず い はら もど 預入れと払い戻し

しよてい ようし ひつようじこう きにゆう よちよきん
所定の用紙に必要事項を記入して預貯金
つうちよう まどぐち ていしゆつ はら
通帳とともに窓口へ提出します。払い
もど とき こうざ かいせつ とうろく
戻しの時には、口座の開設に登録した
いんかん ひつよう
印鑑が必要です。

はら もど ばあい きんがく みぶん
払い戻しの場合、金額によっては身分を
しょうめい ていじ ひつよう あず
証明するものの提示が必要です。(預け
い ばあい みぶん しょうめい ひつよう
入れの場合も身分証明を必要とする
きんゆうきかん かくにん くわ きんゆう
金融機関があります) 詳しいことは、金融
きかん かくにん
機関で確認してください。

じどうこうざふりかえ 自動口座振替

すいどう でんき でんわ しょうりよう
水道、ガス、電気、電話の使用料やNH
K受信料、税金などの公共料金やその
た つきづき き しはら じぶん
他月々の決まった支払いなどは、自分の
こうざ じどうしはら
口座から自動支払いにすることができます。
じどうこうざふりかえ しはら
す。自動口座振替にするとわざわざ支払
いに行く手間が省け、また、はら わす
いに行く手間が省け、また、払い忘れが
なくなるので、便利です。

てづづき ぎんこう ぎんこうとう きんゆう
手続は、銀行やゆうちょ銀行等の金融
きかん まどぐち しょうてい ようし きにゆう
機関の窓口で所定の用紙に記入して、
せいきゅうしょ りようしゅうしょ つうちよう いんかん いっしょ
請求書(領収書)や通帳、印鑑と一緒に
ていしゆつ もう こ
提出して申し込みます。

Gửi và rút tiền

Điền các mục cần thiết vào mẫu quy định, nộp kèm sổ ngân hàng của bạn ở nơi tiếp nhận giấy tờ. Khi bạn rút tiền, bạn phải mang theo con dấu cá nhân (*inkan*) mà đã đăng ký với ngân hàng khi mở tài khoản. Tùy vào lượng tiền bạn muốn rút mà có thể phải trình chứng minh thư (một vài cơ quan tài chính cũng đòi hỏi chứng minh thư khi bạn gửi tiền). Hỏi thêm chi tiết ở nơi bạn gửi tiền.

Trả tiền tự động

Thay vì tự mình phải đi trả các hóa đơn hàng tháng như nước, gas, điện, điện thoại, phí truyền hình NHK, thuế và những chi phí khác phải trả hàng tháng, bạn có thể trả bằng cách trả tiền tự động qua tài khoản. Trả tiền tự động rất tiện lợi vì sẽ giúp bạn tiết kiệm thời gian và không bị quên trả tiền.

Điền vào các mẫu giấy tờ của ngân hàng và bưu điện, nộp ở bàn nhận giấy tờ, kèm theo hóa đơn, sổ ngân hàng và con dấu cá nhân (*inkan*) của bạn.

キャッシュカードと ATM の利用

口座開設時にキャッシュカードを発行してもらえば、現金自動預入支払機(ATM)や現金自動支払機(CD)で払い戻しや預け入れができます。通帳はその場で作ってもらえますが、キャッシュカードは数日後に申込書の住所に直接書留便で郵送されます。キャッシュカードの利用には、発行時に登録した4桁の暗証番号が必要です。しっかり覚えておきましょう。

ATM・CDは、駅、デパート、スーパー、コンビニなど金融機関の店舗以外の場所にも多くあり、休日や夜間にも利用できます。取扱時間はそれぞれの金融機関によって異なります。利用する曜日・時間帯によっては手数料が必要な場合があります。

また、預け入れしている金融機関が提携している他の金融機関のATMやカードを相互に利用(手数料が必要)することができます。

Sử dụng thẻ rút tiền và ATM

Khi mở tài khoản, nếu bạn đăng kí làm thẻ rút tiền thì có thể sử dụng máy gửi rút tiền tự động (ATM) và máy rút tiền tự động (CD) để gửi hay rút tiền. Sổ ngân hàng được nhận ngay thời điểm mở tài khoản, nhưng thẻ thường được gửi bảo đảm bằng bưu điện sau một vài ngày về địa chỉ bạn ghi trong giấy đăng kí. Bạn được yêu cầu đăng kí mật mã bốn số để sử dụng thẻ nên hãy đảm bảo rằng bạn không quên mật mã này.

ATM và CD có ở những khu vực ngoài các cơ quan tài chính như ga tàu, siêu thị, cửa hàng tiện lợi và có thể sử dụng ban đêm và ngày nghỉ. Giờ làm việc khác nhau tùy theo các cơ quan tài chính. Tùy theo thứ và giờ sử dụng dịch vụ có thể bạn phải trả thêm phí.

Bạn có thể sử dụng thẻ rút tiền ở các máy ATM của các cơ quan tài chính có liên kết với cơ quan tài chính bạn gửi tiền (mất phí).

注意事項

通帳や印鑑、キャッシュカードを紛失し

たときは、すぐに銀行やゆうちょ銀行、

警察に連絡しましょう。

また、暗証番号が他人に知られないよう、

くれぐれも注意しましょう。

引越しや帰国のときには、必ず届け出て

所定の手続を行ってください。

Các vấn đề chú ý

Nếu bạn mất sổ ngân hàng, con dấu hoặc thẻ rút tiền, hãy liên lạc với ngân hàng hoặc bưu điện và cảnh sát ngay lập tức.

Không nói số mật mã của bạn cho bất kỳ người nào khác.

Nếu bạn chuyển nhà hoặc trở về nước, hãy báo cho ngân hàng và làm các thủ tục cần thiết.

ATM の操作に必要な用語

Các từ hữu ích khi sử dụng ATM

用語	Từ vựng	意味	Nghĩa
(ご) 入金	(go)nyukin	gửi tiền	
(お) 支払い、(お) 引出し	(o)shiharai, (o)hikidashi	rút tiền	
(お) 取り扱い中	(o)toriatsukai-chuu	Đang hoạt động	
使用中止	shiyō-chuushi	Không hoạt động	
カード入れ口	kaado ire-guchi	Khe đút thẻ	
通帳入れ口	tsuuchō ire-guchi	Khe đút sổ ngân hàng	
紙幣入れ口	shihei ire-guchi	Khe đút tiền	
紙幣返却口	shihei henkyaku-guchi	Khe trả lại hóa đơn	
(お) 預け入れ、預金	(o)azukeire, yoking	Tiền gửi	
(お) 振り替え、送金	(o)furikae, soukin	Chuyển tiền	
通帳記入	tsuuchōu-kinyū	Cập nhật sổ ngân hàng	
残高照会	zandaka-shoukai	Kiểm tra tài khoản	
確認	Kakunin	Xác nhận	
訂正	Teisei	Sửa chữa	
取り消し	Torikeshi	Xóa bỏ	

Lưu ý: (go) và (o) là các tiếp đầu ngữ chỉ sự tôn trọng (kính ngữ).

がいこく そうきん 外国への送金

ゆうちょ ぎんこう ゆうちょ銀行から

ゆうちょ銀行から、世界各国に送金することができます。

そうきんほうほう こくさいそうきんせいきゅうしょ きにゆう
送金方法には、「国際送金請求書」に記入

しゆうびんがわせしやうしょ さくせい うけとりじん
し郵便為替証書を作成してもらい受取人
の住所に送金する方法と、受取人の口座

(ゆうびんふりかえこうざ また ぎんこう こうざ) そうきん
(郵便振替口座又は銀行口座) に送金す

る方法があります。送金を依頼するとき
には、身分を証明するものを必ず持参

してください。(くに)によっては、口座に

そうきん ばあい かくにん
送金できない場合がありますので、確認

してください)

しよう づうか ききこくべつ してい
使用する通貨は、あて先国別に指定され

ていますが、ゆうちょ ぎんこう でのもうこ

の際には日本円で送金額 (当日のレート

でかんさん きんがく てすりよう しはら
で換算した金額) と手数料を支払います。

くわ も よ ゆうびんきょく たず
詳しくは、最寄りの郵便局にお尋ねくだ

さい。えいぎょうじかん へいじつ
営業時間：平日9:00～16:00

おかやまちゆうおうゆうびんきょく へいじつ
岡山中央郵便局：平日9:00～18:00

Gửi tiền ra nước ngoài

Từ ngân hàng bưu điện

Có thể gửi tiền đến các nước trên thế giới từ ngân hàng bưu điện

Cách chuyển tiền gồm có điền vào đơn thanh toán chuyển tiền quốc tế, làm giấy chứng minh đổi tiền bưu điện (yubin kawasei syouujo), và gửi tiền đến địa chỉ người nhận. Hoặc là cách chuyển tiền đến tài khoản người nhận (tài khoản chuyển tiền bưu điện hoặc tài khoản ngân hàng).

Khi chuyển tiền cần phải có giấy tờ chứng minh nhân thân nên phải mang theo.

(Tùy theo nước mà có thể không thể chuyển tiền qua tài khoản, nên hãy xác nhận lại thông tin trước khi chuyển)

Loại tiền gửi tùy thuộc vào quốc gia mà tiền sẽ được chuyển đến, nhưng người gửi phải trả bằng yên tại ngân hàng bưu điện (theo tỷ giá hối đoái của ngày chuyển tiền) và phải trả lệ phí gửi.

Hỏi thêm ở bưu điện nơi bạn ở để biết thêm chi tiết. (mở cửa từ 9:00 giờ đến 16:00 giờ vào các ngày trong tuần. Bưu điện trung tâm thành phố Okayama mở cửa đến 18:00 giờ).

銀行から

がいにこかわせ あつか てんぽ そうきんいらいしよ
外国為替を扱う店舗で、「送金依頼書」
に送金先の住所、氏名、銀行名、口座番号、
金額等を記入して海外の銀行口座への
送金を依頼することができます。身分を
証明するものが大切です。(国によって
は口座に送金できない場合がありますの
で確認してください)

また、銀行で「外国向け送金小切手
申込書」に記入して「送金小切手」を発行
してもらい、自分で海外に郵送すること
もできます。(取り扱っていない銀行も
あります) この場合も身分を証明するも
のが必要です。

くわ ぎんこう がいにこかわせまどぐち たず
詳しくは、銀行の外国為替窓口に尋ねて
ください。営業時間：平日 9:00~15:

00

かいがいそうきん かいがい そうきん う と
「海外送金」や「海外からの送金受け取
り」にはマイナンバーが必要です。

Từ ngân hàng

Ở những ngân hàng chuyển tiền quốc tế bạn có thể gửi tiền đến một tài khoản ở nước ngoài. Viết tên, địa chỉ, tên ngân hàng, số tài khoản, và số lượng tiền vào mẫu đơn yêu cầu chuyển tiền. Cần phải có giấy tờ chứng minh nhân thân (bạn hãy xác nhận với các ngân hàng, vì tùy theo nước có thể không thể gửi tiền bằng tài khoản).

Ngoài ra bạn có thể điền vào “đơn đăng kí séc gửi tiền quốc tế”, nhờ phát hành séc, và tự mình gửi quốc tế bằng đường bưu điện (cũng có ngân hàng không có dịch vụ này). Trường hợp này cũng cần giấy tờ chứng minh nhân thân

Hỏi thêm ở quầy ngoại tệ tại ngân hàng. Mở cửa từ 9:00 giờ đến 15:00 giờ vào các ngày trong tuần

Khi gửi và nhận tiền quốc tế cần phải có số cá nhân my number

ゆうびん
郵便

てがみ 手紙・はがきなどの 国内・国外への 送付

ゆうびんきょく おこな は、郵便局が行います。

つうじょう ゆうびんきょく えいぎょう じかん へいじつ
通常の郵便局の営業時間は平日9:00

～17:00 ですが、配達を行う郵便局で

は、土・日曜日や休日、夜間でも取り

扱っています。

こくないゆうびんりょうきんひょう ばんすい
国内郵便料金表 (抜粋)

Bảng lệ phí bưu điện nội địa (trích dẫn tóm tắt)

しゅるい 種類 / Loại		じゅうりょう 重量 Trọng lượng	りょうきん 料金 Phí
ふうしよとう 封書等 Thư từ	ていけいゆうびんぶつ 定形郵便物 (長さ 14～23.5cm、幅 9～12cm の長方形 で、厚さが 1cm までのもので、かつ重さ が 50 g までのもの) Bưu phẩm kích thước quy định (Vật hình chữ nhật từ dài 14 đến 23.5cm, rộng 9 đến 12cm, dày tối đa 1cm và cân nặng dưới 50g)	～25g	¥84
	Bưu phẩm kích thước quy định (Vật hình chữ nhật từ dài 14 đến 23.5cm, rộng 9 đến 12cm, dày tối đa 1cm và cân nặng dưới 50g)	～50g	¥94
		～50g	¥120
		～100g	¥140
		～150g	¥210
		～250g	¥250
		～500g	¥390
	ゆうびんしょかん 郵便書簡 (ミニレター) (薄い紙などを同封できるが、25g を超え ると定形外郵便物となる) Thư từ (thư nhỏ) (Là bưu phẩm ngoài kích thước quy định như giấy mỏng có thể bỏ phong bì, nặng dưới 25g)		¥63
はがき Bưu thiếp	つうじょう 通常はがき Bưu thiếp thường		¥63
	おうふく 往復はがき Bưu thiếp khứ hồi (gửi và nhận)		¥126

Bưu điện

Bưu điện sẽ chuyển thư từ hay bưu thiếp trong nước và quốc tế.

Hầu hết các bưu điện mở cửa vào những ngày trong tuần từ 09:00 giờ đến 17:00 giờ, nhưng những bưu điện có giao hàng thường mở cửa cả cuối tuần, ngày nghỉ và sau giờ hành chính.

げんきん 現金などの特に重要な郵便物ゆうびんぶつを送るおく
ときには「書留」便はやで、速く送りたい
ときには「速達」扱あつかいで送ることをお
すすめします。料 金りょうきんなど詳しいことは
郵便局ゆうびんきょくで聞いてください。

Nên chuyển tiền hoặc những đồ vật có giá trị
bằng thư bảo đảm (kakitome) và những thư
khẩn cấp bằng thư chuyển phát nhanh
(sokutatsu). Hỏi ở bưu điện để biết thêm
thông tin và cước phí.

こくさいゆうびんりょうきんひょう (ばんざい) 航空通常郵便物

Bảng lệ phí bưu điện quốc tế (trích dẫn tóm tắt) Bưu phẩm gửi máy bay

ちた い 地帯 Vùng		だい ちた い 第1地帯 Vùng 1		だい ちた い 第2地帯 Vùng 2		だい ちた い 第3地帯 Vùng 3	
しゅる い 種類 Loại		ち い き 地域 Vùng	べい こ く アジア、米 国 の か い が い り ょ う ど 海 外 領 土、パラオ	オセアニア、 ちゅうきんとう ほくべい 中 近 東、北 米、 ちゅうべい に し 中 米、西インド しよとう 諸 島、ヨーロツパ		なんべい 南 米、アフリカ Nam mĩ, châu Phi	
		じゅうりょう 重 量 Trọng lượng	ほか Châu Á,Các vùng lãnh thổ của Mĩ ở nước ngoài,parao ..	Châu Úc, Trung Cận Đông, Bắc Mĩ, Trung Mĩ, Các đảo Ấn Độ Đương, châu Âu			
しよじょう 書 状 Thư	ていけい 定形 ゆうびんぶつ 郵便物 Bưu phẩm kích thước quy định	～25g	¥90	¥110		¥130	
		～50g	¥160	¥190		¥230	
	ていけいがい 定形外 ゆうびんぶつ 郵便物 Bưu phẩm kích thước ngoài quy định	～50g	¥220	¥260		¥300	
		～100g	¥330	¥400		¥480	
		～250g	¥510	¥670		¥860	
		～500g	¥780	¥1,090		¥1,490	
	グリーテ ィングカ ード Thiệp chúc mừng	～25g	¥90	¥110		¥130	
はがき Bưu thiệp		—	せ かい かつ こ く 世界 各国 あて ¥70 均一 きん い つ ¥70 đến khắp nơi trên thế giới				

荷物にもつの送付そうぷ

国内小包郵便物こくないこづつみゆうびんぶつ (ゆうパック)

長さ・幅・厚さの合計が 1.7m 以内、
重量が 30kg 以内の荷物は、小包郵便
(ゆうパック) として送ることができます。
郵便局や一部のコンビニで取り扱
っています。料金は、サイズ・あて先
により異なります。

国際小包こくさいこづつみ

船便又は航空便で外国に荷物を送るこ
とができます。
送ることのできる地域、サイズ、料金な
ど詳しいことは郵便局に尋ねてくださ
い。

宅配便たくはいびん

民間の運送会社が行っている荷物の
配達サービスが宅配便(宅急便)です。
スーパー、コンビニや一部の商店など
で取り扱っています。
業者によって違いがありますが、あて
先への配達日・時間帯指定、夜間配達、
冷蔵配達など様々なサービスがありま
す。また、空港のカウンターのあらかじ
め荷物を送ることもできます。

Gift hàng hóa

Gửi hàng nội địa (Yu-Pack)

Nếu tổng cộng của chiều dài, chiều rộng và
chiều dày của một kiện hàng nhỏ hơn
170cm, và cân nặng nhẹ hơn 30kg thì có
thể gửi như kiện hàng (gọi là Yu-Pack). Có
thể gửi ở bưu điện và một số cửa hàng tiện
lợi. Phí gửi tùy thuộc vào kích cỡ và nơi
chuyển đến

Gửi hàng quốc tế

Bưu kiện có thể được gửi đi quốc tế bằng
đường biển hoặc máy bay. Hỏi thêm bưu
điện nơi bạn ở để biết thêm chi tiết về lệ
phí gửi, kích cỡ, loại hàng hóa và các vùng
có thể gửi.

Takuhaibin (đưa hàng/ thư tận nhà)

Dịch vụ đưa hàng/thư của công ty tư nhân
được gọi là takuhaibin (hoặc takkyuubin).
Có thể gửi ở các siêu thị, cửa hàng tiện lợi
Tùy theo công ty mà dịch vụ có khác nhau.
Có nhiều loại dịch vụ như chọn ngày và giờ
chuyển, chuyển phát vào buổi tối, chuyển
hàng đông lạnh... Ngoài ra bạn có thể gửi
hành lý ngay tại quầy trong sân bay.

自転車・バイクの使用ルール

自転車

自転車は誰でも気軽に乗れる乗り物ですが、自転車にも法律で定められた交通ルールがあります。下記の違反行為を3年間のうち2回以上摘発された自転車運転者は、自転車運転者講習の受講命令を受けます。

【違反行為14】

1. 信号の指示を無視すること
2. 道路標識などで通行が禁止されている場所を通ること
3. 歩道を徐行せずに通ること
4. 自転車専用レーンの枠外を通ること
5. 歩道がない道で歩行者の通行を妨げること
6. 閉じようとしているまたは閉じている踏切内への立ち入り
7. 交差点で優先されている車両の通行を妨げることなど
8. 交差点で車両の通行を妨げるように右折することなど
9. 右回り通行が指定されている交差点で流れに逆らうなど
10. 一時停止の指定がある場所で止まらないことなど
11. 歩行者用道路で歩行者の通行を妨げること
12. ブレーキが利かないまたは壊れた自転車の運転
13. お酒を飲んだ後の自転車運転
14. 前方不注意などのさまざまな行為

※携帯電話を使いながら通行して、事故を起こした場合にも適用されることがあります。

Qui định khi sử dụng xe đạp và xe máy

Xe đạp

Xe đạp là phương tiện mà ai cũng đi được, nhưng lái xe đạp cũng có những luật giao thông sau. Nếu người lái xe đạp vi phạm các lỗi sau trên 2 lần trong vòng 3 năm, sẽ nhận mệnh lệnh tham gia khoá huấn luyện dành cho người lái xe đạp.

(14 hành vi vi phạm)

1. Không tuân theo đèn giao thông
 2. Đạp xe ở chỗ có biển cấm chạy xe
 3. Không chạy chậm trong khu vực chỉ dành cho người đi bộ
 4. Chạy xe ngoài vạch dành cho xe đạp
 5. Gây cản trở người đi bộ ở đường không có vỉa hè đi bộ
 6. Chui vào thanh chắn tàu đã chắn hoặc sắp chắn
 7. Gây cản trở các xe được ưu tiên ở các ngã tư đường
 8. Gây cản trở các xe khác ở các ngã tư đường do rẽ phải...
 9. Đi ngược đường ở các ngã đường quy định đi vòng chiều bên phải
 10. Không dừng ở nơi có quy định tạm dừng
 11. Gây cản trở người đi bộ trên đường dành cho người đi bộ.
 12. Dùng xe đạp hỏng phanh hoặc phanh không ăn
 13. Lái xe sau khi uống rượu
 14. Các hành động không chú ý phía trước
- *Trường hợp gây tai nạn do vừa lái xe vừa dùng điện thoại cũng được tính vào.

子どもを乗せて運転する時には、転倒事故などが起こりがちです。細心の注意を払ってください。

また、駅前や市街地等の放置禁止区域に

自転車を放置してはいけません。一定期間

放置された自転車は、役所により撤去され

ます。決められた駐輪場を使用しましょう。

バイク(原動機付自転車)・普通自動二輪車

オートバイの運転には、運転免許が必要です。

原動機付自転車(原付)は、排気量50cc

以下で、16歳で免許を取得できます。

普通自動二輪車は排気量が50cc超400cc

以下で、16歳で免許を取得できます。原付

および125cc以下の二輪車では高速道路の通行はできません。また、原付では二人乗りはできません。

Khi chở trẻ em rất dễ bị té ngã, nên hãy chú ý
Ngoài ra không được để xe ở những khu vực
cấm để xe như trước ga, các khu mua sắm
đường phố. Nếu để xe quá một thời gian nào
đó sẽ bị chính quyền xử lí xe. Vậy nên hãy sử
dụng các bãi đậu xe quy định

Xe máy (và xe phân khối nhỏ)

Khi lái xe máy phải có bằng lái. Công dân 16
tuổi có thể lấy bằng lái đối với xe phân khối
nhỏ (*gentsuki*) và xe mô tô động cơ có dung
tích dưới 50cc. Công dân 16 tuổi có thể lấy
bằng lái mô tô động cơ hai bánh có dung tích
trên 50cc dưới 400cc. Với các loại xe phân
khối nhỏ kể cả xe hai bánh phân khối dưới
125cc không được phép đi trên đường cao tốc.
Thêm vào đó, xe phân khối nhỏ không được
phép đi 2 người.

おも じょうろひょうしき
主な道路標識

Traffic Signs Biển hiệu giao thông chính

			
しやりょうつこうど 車両通行止め	しやりょうしんにゆうきんし 車両進入禁止	していほうこうがいしんこう 指定方向外進行 禁止	てんかひきんし 転回禁止
Cấm tất cả các loại xe cộ	Cấm xe cộ đi vào	Chỉ lái theo hướng được hướng dẫn	Cấm quay vòng
			
おいこ きんし 追越し禁止	ちゅうでいしやきんし 駐停車禁止	さいこうそくど 最高速度	いっぽうつこう 一方通行
Cấm vượt	Cấm dừng, đỗ xe	Tốc độ giới hạn cao nhất	Một chiều
			
じょうこう 徐行	いちじていし 一時停止	ちゅうしやか 駐車可	おうだんぼ どう 横断歩道
Đi chậm	Dừng	Cho phép đỗ xe	Đường dành cho người đi bộ
			
こくどうばんごう 国道番号	とどうふけんどうばんごう 都道府県道番号	じゅうじろこうさてん 十字路交差点 あり	がっこう ようちえん ほいく 学校、幼稚園、保育 園等あり
Quốc lộ (ký hiệu bằng số)	Tỉnh lộ (ký hiệu bằng số)	Đường giao nhau ở phía trước	Trường học, Mẫu giáo, Nhà trẻ

自動車の運転

免許の取得

自動車を運転するためには、運転免許が必要で、自動車教習所に入学するのが一般的です。卒業すれば技能試験が免除されます。岡山県運転免許センター等で適性試験・学科試験を受験し、合格すれば運転免許が取得できます。詳しくは、岡山県運転免許センターに問い合わせてください。

外国免許からの切替え

外国の運転免許は、日本の運転免許への切替えの申請ができます。手続きは、岡山県運転免許センターで行います。

※自動車の運転に必要な知識及び技能の有無が確認されます。

◇切替えの条件

①外国の運転免許証が有効期間内であること

②外国の運転免許証を取得した日から通算で3か月以上その国に滞在していたことが証明できること

【必要な書類など】

- 外国の運転免許証
- 外国の運転免許証の翻訳文
- 本籍又は国籍の記載された住民票の写し（コピーは不可、個人番号の記載がないもの）
- 本人確認書類（旅券（パスポート）、保険証、在留カードなど）

Lái xe ô tô

Lấy bằng lái

Để lái xe ô tô bạn cần có bằng lái. Thông thường sẽ vào học ở một trường đào tạo lái xe. Nếu tốt nghiệp, bạn sẽ được miễn kiểm tra kỹ năng. Ở Trung tâm cấp bằng lái xe của tỉnh Okayama, nếu bạn đầu kì thi gồm kỳ thi lý thuyết và kỳ thi thực hành thì có thể lấy bằng. Để biết thêm chi tiết hãy liên lạc với Trung tâm cấp bằng lái xe của tỉnh Okayama.

Đổi bằng lái xe được cấp ở nước ngoài

Bằng lái xe được cấp ở nước ngoài có thể được chuyển đổi sang bằng lái xe của Nhật Bản. Thủ tục được làm tại Trung tâm bằng lái xe của tỉnh Okayama.

※Sẽ kiểm tra kiến thức và kỹ năng cần thiết để lái xe.

◇Điều kiện đổi bằng

- Bằng lái xe được cấp ở nước ngoài vẫn còn hiệu lực
- Giấy tờ chứng minh được rằng đã ở nước đó trên 3 tháng kể từ ngày lấy được bằng lái xe được cấp ở nước ngoài.

【Những giấy tờ cần thiết】

- Bằng lái xe của nước ngoài cấp
- Bản dịch bằng lái xe của nước ngoài cấp
- Phiếu công dân có ghi hộ tịch hoặc quốc tịch (không dùng bản copy, không ghi số cá nhân)
- Giấy tờ chứng minh thời gian cư trú (passport, thẻ thuyền viên..)

ほんにんかくにんしよるい りよけん ほけんしよ
・本人確認書類(旅券(パスポート)、保険証、

ざいりゆう
在留カードなど)

がいこく たいざい きかん しようめい しよるい
・外国での滞在期間を証明する書類

(出入国証明書、旅券(パスポート)、
せんいんでちよう
船員手帳など)

にほん うんでんめんきょしよ も かた
・日本の運転免許証(お持ちの方のみ。

ゆうこう しつこう と
有効、失効を問いません)

しんせいようしやしん たて よこ
・申請用写真1枚(縦3.0センチ×横2.4
センチ)

ですうりよう
・手数料

★これから取得しようとする運転免許の

しゅるい げんざいほゆう うんでんめんきょ しゅるい
種類や現在保有する運転免許の種類ごと

にそれぞれ受験資格や手続などが異なります

おかやまけんうんでんめんきょ と
ます。岡山県運転免許センターにお問い合わせください。

【問合せ】

おかやまけんうんでんめんきょ
岡山県運転免許センター

おかやまけんけいこうつうぶうんでんめんきょか
(岡山県警交通部運転免許課)

じゅうしよ おかやましきたくみ つ なかやま
住所: 岡山市北区御津中山444-3

TEL:086-724-2200

・ Giấy tờ chứng minh bản thân (Như là Hộ chiếu, thẻ bảo hiểm, thẻ cư trú, v.v...)

・ Giấy tờ chứng minh thời gian lưu trú ở nước ngoài (Như là Giấy chứng minh xuất nhập cảnh, Hộ chiếu, Sổ tay chuyên viên lính thủy, v.v..)

・ Bằng lái xe Nhật cấp (nếu có, dù hết hạn hay còn hạn)

・ Ảnh dán đơn đăng kí (dọc 3 cm x ngang 2,4cm)

・ Phí dịch vụ

★Tùy theo loại bằng lái bạn định lấy hoặc đang có mà tư cách dự thi và thủ tục sẽ khác nhau. Hãy liên hệ đến trung tâm cấp bằng lái xe tỉnh Okayama.

Liên lạc:

Trung tâm bằng lái xe tỉnh Okayama
(Phòng giấy phép lái xe, Ban giao thông,
Cục cảnh sát tỉnh Okayama)

Địa chỉ: 444-3 Mitsu Nakayama, Kitaku
Okayama-shi

Điện thoại: 086-724-2200

JAF (日本自動車連盟)

外国語版「交通の教則」(4言語)の発行

JAFでは、「交通の教則」英語、中国語、ポルトガル語、スペイン語版(2017年7月改訂)を JAF 支部 窓口 または、Amazon.co.jp で販売しています。販売価格は各言語とも 1冊1,404円(消費税込)。電子書籍は、1冊864円(消費税込)です。

<http://www.jaf.or.jp/inter/manual/>

国際運転免許証

ジュネーブ条約に基づいて発行された国際運転免許証は、外国の運転免許証の有効期限内で日本に上陸した日から1年間有効です。(入国後1年以内に外国の運転免許証の有効期限が来た場合は、その日まで)

Liên đoàn ô tô Nhật Bản (JAF)

Phát hành “Các quy tắc tham gia giao thông” bản tiếng nước ngoài (5 ngôn ngữ)

JAF bán cuốn sách “Các quy tắc tham gia giao thông” gồm Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha (được đính chính vào năm 2017 tháng 7) ở văn phòng JAF hoặc trên trang web Amazon.co.jp

Giá bán thì mỗi ngôn loại ngữ 1 cuốn là 1,404 yên (không bao gồm thuế)

Web site



Bằng lái xe quốc tế

Bằng lái xe quốc tế phát hành dựa trên hiệp ước Geneva được cho phép sử dụng tại Nhật tối đa 1 năm, trong thời gian bằng lái xe được cấp ở nước ngoài còn hiệu lực (nếu bằng lái xe được cấp ở nước ngoài hết hạn trong năm thì nó chỉ có giá trị đến ngày hết hạn).

外国免許証の日本語による翻訳文

JAF では外国免許証の日本の運転
免許証への切替申請に必要な「外国
免許証の日本語による翻訳文」(有料)
を発行しています。

※最新の情報は、JAF(日本自動車連盟)
のホームページで確認するか、JAF岡山
支部または、JAF広島支部に問い合わせ
てください。

- JAF岡山支部 TEL : 086-273-0710
スイス、ドイツ、フランス、ベルギー、
モナコ、エストニア、台湾
- JAF広島支部 TEL : 082-272-9967
上記以外の国
- JAF ホームページ (英文)

<http://www.jaf.or.jp/e/index.htm>

Dịch bằng lái xe tiếng nước ngoài sang tiếng Nhật

Bạn có thể chuyển bằng lái xe được cấp ở một nước khác sang bằng lái xe của Nhật Bản. JAF sẽ phát hành bản dịch tiếng Nhật của bằng lái xe nước ngoài (có mất phí) cần phải có khi nộp đơn xin chuyển đổi bằng.

※ Để lấy thông tin mới nhất, có thể tìm hiểu bằng cách truy cập vào trang web của JAF (Liên đoàn ô tô Nhật Bản) hoặc liên hệ chi nhánh JAF Okayama, hoặc chi nhánh JAF Hiroshima.

- Chi nhánh Okayama. Điện thoại: 086-273-0710
Hỗ trợ các nước: Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Bỉ, Monaco, Estonia, Đài Loan.
- Chi nhánh Hiroshima. Điện thoại: 082-272-9967
Hỗ trợ: Các nước ngoài những nước liệt kê ở trên.

- Trang web của JAF (Bản tiếng Anh)



おも ぜいきん しゅるい 主な税金の種類

にほん には、しよとくぜい、じゅうみんぜい、けん しちやうそんみん
日本には、所得税、住民税(県・市町村民
ぜい しやうひぜい ひろ いっぱん
税)、消費税のように広く一般にかけられ
る税金と、こていしきんぜい、じどうしやぜい
る税金と、固定資産税や自動車税のよう
に特定の物を対象にした税金があります。

ここではしよとくぜい、じゅうみんぜい、しやうひぜい
ここでは所得税と住民税、消費税の3つ
についてせつめい
について説明します。

しよとくぜい こくぜい 所得税(国税)

こじん ねんかん がつ にち がつ にち しよとく
個人の1年間(1月1日~12月31日)の所得に
たい くに かい ぜいきん しはら
対して国が課すもので、この税金の支払
いほうほう、つぎ、ほうほう
い方法は、次の2つの方法があります。

(1) じぶん しゅうにゅうきんがく ひつようけいひ ぜいがく
(1) 自分で収入金額と必要経費・税額を
けいさん ぜいむしよ しんこく
計算し、税務署に申告する。

(2) きゅうよしほらいしや かいしや きんろうしや
(2) 給与支払者(会社など)が、勤労者の
きゅうよ まいつきぜいきんぶん こうじよ
給与から毎月税金分を控除しておき、
のうぜい
納税する。

こうしや きんろうしや じぶん てつづ おこな
後者では、勤労者が自分で手続きを行う
ことはほとんどありませんが、次のよう
な場合には、自分で税務署に申告すること
により税金の還付がうけられることが
あります。

- ・ しはら いりようひ いっていがく こ
・ 支払った医療費が一定額を超えたとき
- ・ かさい とうなん ひがい
・ 火災や盗難の被害にあったとき
- ・ くに がっこう などにきふ
・ 国や学校などに寄付したとき

Các loại thuế chính

Ở Nhật Bản có những loại thuế áp dụng chung cho tất cả mọi người như thuế thu nhập, thuế cư trú (thuế của Tỉnh và chính quyền địa phương), thuế tiêu thụ, và loại thuế áp dụng cho một số nhóm hàng hóa như thuế tài sản cố định và thuế ô tô

Phần này giải thích 3 loại thuế: thuế thu nhập, thuế cư trú, và thuế tiêu thụ.

Thuế thu nhập (thuế quốc gia)

Thuế này được định theo mức thu nhập đầu người trong năm (ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng Mười Hai) và có 2 cách để trả:

- (1) Bản kê khai thu nhập cá nhân (tính toán thu nhập, chi tiêu và tổng số thuế phải trả), nộp cho văn phòng thuế.
- (2) Người trả lương (công ty...) tính toán tổng thuế thu nhập và trừ vào lương hàng tháng của người lao động.

Ở cách 2, hầu như người lao động không tự mình làm thủ tục gì, nhưng trong những trường hợp sau đây, bạn có thể được hoàn thuế bằng cách khai báo ở văn phòng thuế.

- Nếu các hóa đơn y tế vượt quá số tiền quy định nào đó
- Nếu bạn bị mất cấp, hòa hoãn.
- Nếu bạn làm từ thiện cho đất nước, trường học..vv...

住民税 (県民税・市町村民税)

住民税は、1月1日現在日本国内に住所がある人に対して課税され、県民税と市町村税があります。両方とも均等割りといって全員に一律課税される部分と、所得割といって前年の所得に従って課税される部分からなっています。給与所得者は、所得税と同じように、毎月給料から差し引かれます。

消費税・地方消費税 (国税、県税)

物品の購入や有料のサービスには、代金の10%が消費税として上乗せされます。(7.8%が消費税、2.2%が地方消費税)

復興特別所得税

2013年から2037年までの各年分の所得税の額に2.1%の復興特別所得税としての上乗せされます。

税金についての問い合わせ先

【国税】広島国税局電話相談センター

●利用方法

1. 所轄の税務署 (代表電話) へ電話
岡山東税務署 TEL: 086-225-3141
岡山西税務署 TEL: 086-254-3411
2. 音声案内に従って、「1」番を選択
広島国税局電話相談センターへつなぐことができます。

【県税】岡山県総務部税務課

TEL: 086-224-2111(代)

【市町村税】各市町村役場税務担当課

Thuế cư trú (Thuế Công dân tỉnh và thuế công dân Thành phố)

Thuế cư trú được áp dụng cho bất kỳ người nào có địa chỉ tại Nhật Bản vào ngày 1 tháng 1 hàng năm gồm thuế công dân tỉnh và thuế công dân thành phố. Trong cả hai trường hợp, có một phần thuế được chia đều trên đầu người và một phần được chia theo mức thu nhập (tính thuế dựa vào thu nhập của năm trước). Đối với người có thu nhập bằng lương thì những loại thuế này sẽ được trừ vào lương hàng tháng.

Thuế tiêu dùng (thuế Quốc gia) và Thuế tiêu thụ địa phương (thuế Tỉnh)

Thuế 10% được áp dụng cho tất cả hàng hóa và dịch vụ (7.8% là thuế tiêu dùng, và 2.2% là thuế tiêu thụ địa phương).

Thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc phục hồi do thiên tai

Từ năm 2013 đến 2037 sẽ thêm 2,1% thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc phục hồi do thiên tai vào tiền thuế thu nhập mỗi năm.

Địa chỉ giải đáp thắc mắc về thuế

【Thuế quốc gia】

Văn phòng tư vấn thuế bằng điện thoại chi nhánh Hiroshima

• Cách liên hệ:

1. Điện thoại đến Cục thực thi thuế (số điện thoại đại diện)

Sở thuế Đông Okayama

Điện thoại: 086-225-3141

Sở thuế Tây Okayama

Điện thoại: 086-254-3411

2. Làm theo hướng dẫn âm thanh, sau đó nhấn phím (1) sẽ kết nối với Văn phòng tư vấn thuế chi nhánh Hiroshima.

【Thuế của Tỉnh】 Phòng thuế Tỉnh Okayama

Điện thoại: 086-224-2111 (Lễ tân)

【Thuế thành phố】

Hỏi thêm ở văn phòng phụ trách cơ quan của chính quyền Thành phố.